



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN BẠC LIÊU

Địa chỉ: 89 QL 1A, thị trấn Giá Rai, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu

Điện thoại: (84-0781) 3849567

Fax: (84-0781) 3849706

Email: baclieufis@hcm.vnn.vn

website: www.baclieufis.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Thành lập:

Công ty CP thủy sản Bạc Liêu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty TNHH thủy sản Bạc Liêu. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1900253340 ngày 21 tháng 12 năm 2013 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bạc Liêu cấp. Tổng số vốn điều lệ đến ngày 31/12/2013 là **50.000.000.000** đồng.

2. Niêm yết:

Công ty được niêm yết cổ phiếu trên Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy phép niêm yết số 27/2008/GCNC-TTLK do Trung tâm Lưu Ký Chứng khoán cấp ngày 19/05/2008.

- Mã chứng khoán: BLF
- Loại cổ phiếu niêm yết: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên: 02/06/2008.
- Số lượng cổ phiếu niêm yết hiện tại: 5.000.000 cổ phiếu

3. Quá trình phát triển:

3.1 Ngành nghề kinh doanh:

- ✚ Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
- ✚ Kinh doanh xuất nhập khẩu:
 - xuất khẩu nội địa các mặt hàng nông lâm, thủy sản, hàng thủ công mỹ thực phẩm.
 - Nhập khẩu phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, phụ liệu phục vụ sản xuất.
- ✚ Khai thác nuôi trồng thủy sản.
- ✚ Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu.
- ✚ Bán máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác.
- ✚ nhập khẩu các loại thực phẩm chế biến.
- ✚ Gia công hàng điện tử gia dụng.
- ✚ Thu hồi ngoại tệ.
- ✚ kinh doanh xuất khẩu các loại phân bón (vi sinh, vô cơ, hữu cơ).

kinh doanh khu du lịch sinh thái, nhà hàng khách sạn, ăn uống giải trí.

3.2 Quá trình hoạt động:

a. Giai đoạn 2001 – 2006:

Công ty đã mua lại Nhà xưởng của Công ty TNHH Phước Lợi cải tạo và nâng cấp thành nhà xưởng đông lạnh. Nhiệm vụ ban đầu của Cty là sản xuất chế biến các mặt hàng thủy sản đông lạnh và tạo công ăn việc làm cho hàng trăm lao động ở địa phương.

Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, từng bước khẳng định thương hiệu mình trên đấu trường quốc tế. Công ty tập trung phát triển các mặt hàng tôm, mực đông lạnh; mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh.

b. Giai đoạn 2007 – nay:

Công ty đã tiến hành sắp xếp lại tổ chức và sản xuất; mở thêm ngành nghề kinh doanh. Trong 6 năm Công ty đã mua lại Công ty TNHH thủy sản Nha Trang làm chi nhánh sản xuất mặt hàng rau củ quả; mua lại Công ty xuất nhập khẩu thủy sản Hộ Phòng chi nhánh Gành Hào cải tạo làm phân xưởng chế biến surimi; chuyển nhượng quyền thuê Đà Lạt House kinh doanh dịch vụ nhà hàng tại Lâm Đồng.

Giai đoạn này đánh dấu bước phát triển nhảy vọt trên tất cả lĩnh vực của Công ty. Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán sau 2 năm cổ phần hóa, thực hiện thành công việc tăng vốn điều lệ từ 8 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng. Với chiến lược phát triển lấy kinh doanh thủy sản làm trọng tâm, Công ty đã đầu tư 02 dây chuyền chế biến surimi và Crab stick của Nhật Bản nay đã đi vào hoạt động khá tốt góp phần nâng cao hiệu quả của công ty. Bên cạnh đó, Công ty đã và đang triển khai các dự án nhằm đa dạng hóa các hoạt động kinh doanh như: đầu tư trồng nông nghiệp đậu bắp, cà tím, của Nhật ...

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá chung:

Năm 2013 là năm thứ bảy sau cổ phần hóa, Công ty đã tạo ra được những bước cải thiện rất hiệu quả, cụ thể các năm qua hiệu quả kinh doanh của công ty ngày càng tăng. Đó cũng là bước tiến làm tiền đề cơ bản cho sự phát triển vượt bậc trong những năm tới, đặc biệt là lĩnh vực đầu tư phát triển rau củ quả, chả cá và tôm đông lạnh.

2. Tình hình thực hiện năm 2013:

↓ Tổng sản lượng:

- Sản lượng tôm đông lạnh xuất khẩu: Thực hiện năm 2013 là 944.049,34 kg; 205.177.049.069 đồng và bằng 926,60% so với năm 2012.
- Sản lượng rau củ quả xuất khẩu: Thực hiện năm 2013 là 4.343.488,68 kg; 238.619.028.869 đồng và bằng 123,94% so với năm 2012.

1900
CÔNG
CÔ
THỦ
BÀ
VIA

- Sản lượng chả cá xuất khẩu: Thực hiện năm 2013 là 543.077,76 kg; 18.826.506.903 đồng và bằng 43,87% so với năm 2012.
- ➔ **Tổng doanh thu:** Thực hiện năm 2013 là 497.043.164.837 đồng và bằng 188,40% so với năm 2012.
- ➔ **Tổng lợi nhuận sau thuế:** Thực hiện năm 2013 là 3.212.816.757 VNĐ và bằng 366,43% so với năm 2012.

3. Những khoản đầu tư lớn năm 2013:

Do tình hình máy móc thiết bị xuống cấp trầm trọng, Công ty phải đầu tư, nâng cấp hệ thống băng chuyền, tủ cấp đông và kho lạnh, phân xưởng sản xuất tôm ở Nha Trang do đó tình hình lợi nhuận của năm 2013 thấp hơn nhiều so với dự kiến. Tổng đầu tư mới là trên 20 tỷ đồng

4. Kế hoạch năm 2014:

4.1 Các chỉ tiêu chủ yếu trong năm 2014:

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2014
1. Tổng sản lượng (tấn):	12.800
✓ Sản lượng tôm	3.500
✓ Sản lượng mực	500
✓ Sản lượng rau củ quả	7.800
✓ Sản lượng surimi	1.000
2. Tổng doanh thu (đồng):	1.100.000.000.000
3. Giá vốn hàng bán (đồng):	1.021.500.000.000
4. Chi phí bán hàng (đồng):	40.000.000.000
5. Chi phí quản lý (đồng):	20.000.000.000
6. Tổng lợi nhuận trước thuế (đ)	18.500.000.000
7. Thuế thu nhập doanh nghiệp (đ)	3.700.000.000
8. Lợi nhuận sau thuế (đ)	14.800.000.000
9. Tỷ lệ trả cổ tức	Tối thiểu %/năm

4.2 Kế hoạch đầu tư:

DỰ ÁN	TỔNG GIÁ TRỊ Đ.TU (đồng)	NGUỒN VỐN THỰC HIỆN	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
1. Đầu tư nhà xưởng sản xuất tôm tại Cam Lâm, Nha Trang.	30.000.000.000	- Vốn Vay - Vốn tài trợ	Tháng 06/2014
TỔNG CỘNG	30.000.000.000		

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính năm 2013:

1.1 Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2013:

Tài sản (đồng)		Nguồn vốn (đồng)	
I. Tài sản ngắn hạn	347.783.887.546	I. Nợ phải trả	395.625.229.318
II. Tài sản dài hạn	131.904.728.578	II. Vốn chủ sở hữu	84.063.386.806
Tổng cộng	479.688.616.124	Tổng cộng	479.688.616.124

1.2 Những thay đổi về vốn cổ đông/ vốn góp:

1.3 Cổ tức năm 2013:

1.4 Tổng số cổ phiếu theo từng loại tại thời điểm 31/12/2013:

- • Số lượng chứng khoán đã phát hành: 0 cổ phiếu
Trong đó: Cổ phiếu phổ thông: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 50.000.000 cổ phiếu
Trong đó: Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

2.1 Hoạt động kinh doanh thuỷ sản:

Tổng lợi nhuận năm 2013 tăng 366,43% so với năm 2012 do công ty trong những tháng cuối năm 2013 ban giám đốc bắt đầu thay cơ cấu sản xuất là đẩy mạnh xuất khẩu thêm mặt hàng tôm, mặt khác công ty dẫn dụ tri sản xuất ngày càng tăng mặt hàng chả cá và rau củ. Chính vì vậy mà doanh thu của năm 2013 cao hơn doanh thu năm 2012. Cụ thể doanh thu và lợi nhuận năm 2013 như sau:

Doanh thu thực hiện: 497.043.164.837 đồng.

Lợi nhuận thực hiện: 3.212.816.757 đồng.

2.2 Hoạt động tài chính:

Công ty tạm thời không đầu tư tài chính nữa mà chỉ tập chung vốn vào hoạt động sản xuất kinh doanh chính của đơn vị.

3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được về công tác quản lý:

- Tiếp tục xây dựng và ban hành các quy chế: quy chế thi đua khen thưởng, quy chế sản xuất; xây dựng quy chế quản trị công ty;
- Công ty triển khai xây dựng xây dựng nội quy lao động, ban hành quy định quản lý chi tiêu tài chính và quy định quản lý hoạt động sản xuất áp dụng cho toàn công ty.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2013:

Đơn vị tính: VND

Chi Tiêu	MÃ SỐ	Thuyết Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
I				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN				
(100)=(110+120+130+140+150)				
1. Tiền, các khoản tương đương tiền				
1. Tiền	110	V.1	347,783,887,546	285,629,427,242
			21,034,833,235	6,024,507,996
2. Các khoản tương đương tiền	111		21,034,833,235	6,024,507,996
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn				
1. Đầu tư ngắn hạn	120		3,000,000,000	3,110,177,296
	121	V.2	3,000,000,000	3,110,177,296
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129	V.3		65,534,499,320
III. Các khoản phải thu ngắn hạn				
1. Phải thu của khách hàng	130		65,534,499,320	33,699,223,086
	131	V.4	55,144,268,788	19,174,369,554
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	13,743,306,662	16,604,745,823
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	6,005,426,430	7,278,610,269
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(9,358,502,560)	(9,163,502,560)
IV. Hàng tồn kho				
1. Hàng tồn kho	140		243,156,226,630	233,700,762,833
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	141	V.7	245,762,708,456	233,976,152,006
	149		(2,606,481,826)	(275,389,173)
V. Tài sản ngắn hạn khác				
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	150		15,058,328,361	9,074,756,031
	151	V.8	1,459,823,454	1,300,346,629
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10,625,198,467	5,068,904,854
3. Thuế và các khoản thuế phải thu của Nhà nước	154	V.9	268,282,362	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	2,705,024,078	2,705,504,548
B. TÀI SẢN DÀI HẠN				
(200)=(210+220+240+250+260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn				
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	210		131,904,728,578	124,779,250,650
	211		348,350,400	258,350,400
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218		348,350,400	258,350,400
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định				
1. Tài sản cố định hữu hình	220		119,781,309,874	118,444,503,299
	221	V.11	109,788,821,409	103,653,393,575
- Nguyên giá	222		198,134,731,678	177,249,817,518
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(88,345,910,269)	(73,596,423,943)

2. Tài sản cố định thuế tài chính	224				
- Nguyên giá	225				
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226				
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	6,822,653,311	7,056,296,988	
- Nguyên giá	228		8,504,475,939	8,443,171,217	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1,681,822,628)	(1,386,874,229)	
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	3,169,835,154	7,734,812,736	
III. Bất động sản đầu tư	240				
- Nguyên giá	241				
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242				
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3,702,272,727	3,702,272,727	
1. Đầu tư vào công ty con	251		3,702,272,727	3,702,272,727	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252				
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14			
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259				
V. Tài sản dài hạn khác	260		8,072,795,577	2,374,124,224	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	8,072,795,577	2,284,124,224	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16			
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.17		90,000,000	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		479,688,616,124	410,408,677,892	
NGUỒN VỐN					
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		395,625,229,318	329,558,107,844	
I. Nợ ngắn hạn	310		369,323,507,318	315,333,437,844	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		242,525,607,031	238,272,174,784	
2. Phải trả cho người bán	312	V.18	91,230,992,125	49,557,625,790	
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	4,005,770,915	9,442,757,952	
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.20	18,040,576,704	12,740,108,176	
5. Phải trả công nhân viên	315		5,845,135,371	2,970,571,977	
6. Chi phí phải trả	316	V.21			
7. Phải trả nội bộ	317				
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318				
9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	9,928,366,224	4,002,165,217	
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320				
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		(2,252,941,052)	(1,651,966,052)	
II. Nợ dài hạn	330		26,301,722,000	14,224,670,000	
1. Phải trả dài hạn người bán	331				
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332				
3. Phải trả dài hạn khác	333				
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	26,301,722,000	14,224,670,000	

5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.24		
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	-	84,063,386,806	80,850,570,049
I. Vốn chủ sở hữu	410		84,063,386,806	80,850,570,049
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	50,000,000,000	50,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21,915,800,000	21,915,800,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25		
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.25	463,691,970	463,691,970
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	11,683,894,836	8,471,078,079
10. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
TỔNG CÔNG NGUỒN VỐN (440=300+400+500)	440		479,688,616,124	410,408,677,892

Các chỉ tiêu ngoài bảng kế toán

CHỈ TIÊU	ĐVT	Số Kỳ Nay	Số Đầu Năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại	USD		
USD		24,256,96	10, 76.94
EUR		381,43	400.34
JPY		36,305,00	38,843.00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

2. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2012:

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết Minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	497,043,164,837	263,820,984,456
2. Các khoản giảm trừ { 03=04+05+06+07 }	02	VI.1	1,927,534,467	153,311,232
+ Chiết khấu thương mại	05			
+ Hàng bán trả lại	06	VI.1		
+ Giảm giá hàng bán	07			
3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ { 10=01-02 }	10	VI.1	495,115,630,370	263,667,673,224

4. Giá vốn hàng bán	11		421,383,296,729	197,600,543,518
5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		73,732,333,641	66,067,129,706
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3,417,587,980	1,557,959,140
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	31,136,304,796	29,091,688,076
<i>Trong đó: Lãi vay phải trả</i>	23		28,991,024,696	27,627,606,505
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	27,574,998,734	22,673,757,089
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	13,877,983,196	12,341,135,771
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { 30=20+(21-22)-(24+25) }	30		4,560,634,895	3,518,507,910
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1,547,235,552	526,585,382
12. Chi phí khác	32	VI.8	1,398,874,936	2,509,847,636
13. Lợi nhuận khác {40=31-32}	40		148,360,616	(1,983,262,254)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế { 50=30+40 }	50		4,708,995,511	1,535,245,656
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.35	1,496,178,754	658,445,928
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9		-
17. Lợi nhuận sau thuế { 60=(50-51-52)+(53-54) }	60		3,212,816,757	876,799,728
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80			175
			643	

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2012 (phương pháp gián tiếp):

Đơn vị tính: VND

CHI TIÊU	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và doanh thu	470.839.769,067	270.237.499,209
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa & DV	(418.317.644,021)	(303.740.224,529)
3. Tiền chi trả cho người lao động	(89.577.695,112)	(65.905.438,832)
4. Tiền chi trả lãi vay	(26.022.975,577)	(27.512.006,449)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(467.692,771)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	896.837.822,797	938.449.227,654
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(836.390,488,716)	(795.934,001,429)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(3.098,904,333)	15.595,055,622
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản khác	(2.042.143,050)	(261.140,044)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		273.274,722
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(3.000.000,000)	(3.020.000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	3,110,177,296	3.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	349,960,399	453,455,135
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(1,582,005,355)	445,589,813
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu		

2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	707,418,246,253	764,754,596,834
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	(687,774,005,866)	(793,393,201,304)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	19,644,240,387	(28,638,604,470)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	14,963,330,699	(12,597,959,035)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm V.1	6,024,507,996	18,627,172,484
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	46,994,540	5,294,547
	Tiền và tương đương tiền cuối năm V.1	21,034,833,235	6,024,507,996

4. Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2012:

V. BÀN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập:

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính và kiểm toán phía Nam (AASCS)
Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08.3 8 205 944
Fax: 08.3 8 205 942
- Ý kiến kiểm toán độc lập

Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam (AASCS) sau khi tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Thủy Sản Bạc Liêu cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được thực hiện theo các quy định của chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam có ý kiến như sau:

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu tại 31 tháng 12 năm 2013, kết quả kinh doanh, cũng như luồng tiền lưu chuyển cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã ký

2. Kiểm toán nội bộ: không có

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

Công ty đầu tư vốn vào Công ty TNHH Khang Phú

Địa chỉ: 64, Nguyễn Du, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Khánh Hòa.

Tỷ lệ nắm giữ: 100% vốn điều lệ

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của Công ty:

- Công ty được tổ chức hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- Công ty có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và 02 chi nhánh, 01 phân xưởng, 01 công ty con.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC

SỞ ĐỒ TỔ CHỨC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN BẠC LIÊU

TỔNG GIÁM ĐỐC

P. TỔNG GIÁM ĐỐC
TÀI CHÍNH - NỘI CHÍNH

P. TỔNG GIÁM ĐỐC CHI
NHÁNH
TP. HỒ CHÍ MINH

HÀNH CHÁNH
NHÂN SỰ

KẾ TOÁN
TÀI CHÍNH

P. TỔNG GIÁM ĐỐC
CHI NHÁNH
TP. NHA TRANG

NGHIÊN CỨU
PHÁT TRIỂN

QUẢN LÝ
CHẤT LƯỢNG

KINH DOANH

P. TỔNG GIÁM ĐỐC
KINH DOANH

2. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

2.1 Số lượng cán bộ, nhân viên trong Công ty:

Tính đến thời điểm 31/12/2013, tổng số lao động của Công ty là 1.450 người.

2.2 Chính sách đối với người lao động:

*** Chính sách đào tạo:**

Công ty luôn đề cao và coi trọng con người, đó là nhân tố hàng đầu để quyết định mọi thành công trong các hoạt động của đơn vị. Vì vậy chính sách đào tạo của Công ty là:

- Công ty coi trọng công tác đào tạo và huấn luyện nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.
- Khuyến khích và đào tạo mọi điều kiện thuận lợi cho những người tài giỏi phát huy khả năng của mình để đảm nhiệm những chức vụ, chức danh cao hơn.

*** Chính sách tiền lương, thưởng:**

Công ty thực hiện chính sách trả lương theo chức danh công việc cho người lao động. Thu hút và khuyến khích người tài giỏi mang hết khả năng để phục vụ Công ty. Xây dựng lộ trình nâng lương hàng năm cho khối văn phòng và khối sản xuất. Khen thưởng những cá nhân và tập thể

*** Các chế độ chính sách khác đối với người lao động:**

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ, nhân viên; có chế độ bồi dưỡng đối với các lao động tăng ca và quan tâm tới cán bộ công nhân viên trong các ngày lễ tết.

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát:

1.1 Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ 5 năm (2012-2017). Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ của mình với tinh thần trách nhiệm cao, có tầm nhìn chiến lược, đưa ra các quyết định kịp thời vì lợi ích cao nhất của Công ty.

- Thành phần Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Chủ tịch	21/07/2006	

Bà Nguyễn Thanh Đạm	Thành viên	31/05/2010	
Ông Nguyễn Phạm Như Hải	Thành viên	21/07/2006	
Ông Hiheaki Abe	Thành viên	31/05/2010	
Ông Nguyễn Văn Chương	Thành viên	20/01/2012	

- Tóm tắt lý lịch Hội đồng quản trị:

✦ Chủ tịch HĐQT – BÀ NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

- Họ và tên : Nguyễn Thị Thu Hương
- Số CMND : 023284615
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 04/02/1959
- Nơi sinh : Phú Yên
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Sông Cầu, Phú Yên
- Địa chỉ thường trú : 493/26 Bis Cách Mạng Tháng Tám, Phường 13, Quận 10, TP Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc : 0903006068
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Đại học Thủy sản Nha Trang
- Quá trình công tác :
 - 1982 - 1987 : Ủy ban vật giá tỉnh Khánh Hòa
 - 1987 - 1992 : Sở Tài chính vật giá tỉnh Khánh Hòa – Cán bộ phòng thanh tra
 - 1992 - 1997 : Công ty bột giặt mỹ phẩm Nha Trang
 - 1997 - 2001 : Kinh doanh tự do
 - 2001 - 2006 : Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty TNHH Thủy sản Bạc Liêu
 - 2006 đến nay : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu
- Chức vụ công tác hiện nay : Chủ tịch HĐQT
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ : 1.002.300 cổ phiếu – tương ứng với 20,05% vốn điều lệ
- Những người có liên quan : Không có
- Cáo khoản nợ với Công ty : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không có

✦ Thành viên HĐQT – ÔNG NGUYỄN THANH ĐẠM

- Họ và tên : Nguyễn Thanh Đạm
- Số CMND : 0226522454
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 15/03/1973
- Nơi sinh : Gia Định - Sài Gòn
- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bạc Liêu
- Địa chỉ thường trú : 24/18 Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 8247201 - 0908540525
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Đại học Kinh tế TP. HCM
- Quá trình công tác :
- 1999 – 2002 : Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải
- 2002 – 2004 : Du học Anh Quốc, Post Graduate Diploma Marketing
- 2004 – 2006 : Phó giám đốc kinh doanh Công ty TNHH Thủy sản Nha Trang
- 2006 – 14/12/2008 : Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu
- 15/12/2008 - nay : Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu
- Chức vụ công tác hiện nay : Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ : Không có
- Những người có liên quan : Không có
- Các khoản nợ với Công ty : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không có

✦ Thành viên HĐQT - ÔNG NGUYỄN PHẠM NHƯ HẢI

- Họ và tên : Nguyễn Phạm Như Hải
- Số CMND : 024673627
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 18/03/1973
- Nơi sinh : Quảng Ngãi
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú : 40/17 Nguyễn Sỹ Sách, Phường 15, Quận Tân Bình, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc :
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Trung cấp kỹ thuật may
- Quá trình công tác :
- 2000 – nay : Công ty may Hồng Nguyên
- Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên Hội đồng quản trị
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ : 130.000 cổ phiếu – tương ứng với 2,6% vốn điều lệ
- Những người có liên quan : Không có
- Các khoản nợ với Công ty : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không có

✦ Thành viên HĐQT - ÔNG HIDEAKIE ABE

- Họ và tên : Hideakie Abe

- Số CMND/Passport : TH8933930
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 22/12/1970
- Nơi sinh : Nhật Bản
- Quốc tịch : Nhật Bản
- Dân tộc :
- Quê quán : Nhật Bản
- Địa chỉ tạm trú tại VN : Số 12, Đường 12, Phường Bình An, Quận 2, Tp. HCM
- Số điện thoại liên lạc : 0937329293
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Sales and Marketing
- Quá trình công tác :
 - + 1993 - 1995 : Quản lý phân phối thủy hải sản tại Osaka
 - + 1995 - 1998 : Quản lý nhà máy thủy hải sản và rau củ Hyogo
 - + 1998 - 2005 : Quản lý Cty Thương mại Osaka
- Từ 2007 - Nay : Hợp tác với BLF trong việc phát triển và khai thác thị trường rau quả, tôm ĐL và Surimi tại Nhật
- Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên Hội đồng quản trị
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ : 200.000 CP
- Những người có liên quan : Không có
- Các khoản nợ với Công ty : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không có

➤ Thành viên HĐQT – ÔNG NGUYỄN VĂN CHƯƠNG

- Họ và tên : Nguyễn Văn Chương
- Số CMND :
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 1974
- Nơi sinh : Khánh Hòa
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tp. Nha Trang, Khánh Hòa.
- Địa chỉ thường trú :
- Số điện thoại liên lạc : 0906769935
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Giám đốc Cty TNHH MTV Khang Phú
- Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên kiêm thư ký Hội đồng quản trị
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ : 50.000 cổ phiếu – tương ứng với 1% vốn điều lệ
- Những người có liên quan : Không có
- Các khoản nợ với Công ty : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không có

1.2 Ban Tổng giám đốc điều hành:

Ban tổng giám đốc điều hành có 05 thành viên, đứng đầu là Tổng giám đốc. Trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện hoàn thành các quyết định của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Thành viên Ban Tổng Giám đốc:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Đạm	Tổng giám đốc	15/12/2008	
Ông Phan Quốc Thụy	Phó Tổng giám đốc	20/09/2009	
Ông Nguyễn Phạm Như Hồ	Phó Tổng giám đốc	05/11/2007	
Ông Nguyễn Thanh Phương	Phó Tổng giám đốc	05/11/2007	

- Tóm tắt lý lịch Ban Tổng giám đốc:

➤ **Tổng giám đốc – ÔNG NGUYỄN THANH ĐẠM**

- Họ và tên : Nguyễn Thanh Đạm
- Số CMND : 0226522454
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 15/03/1973
- Nơi sinh : Gia Định - Sài Gòn
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bạc Liêu
- Địa chỉ thường trú : 24/18 Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 8247201 - 0908540525
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Đại học Kinh tế TP. HCM
- Quá trình công tác :
 - 1999 – 2002 : Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải
 - 2002 – 2004 : Du học Anh Quốc, Post Graduate Diploma Marketing
 - 2004 – 2006 : Phó giám đốc kinh doanh Công ty TNHH Thủy sản Nha Trang
 - 2006 – 14/12/2008 : Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu
 - 15/12/2008 - nay : Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu
- Chức vụ công tác hiện nay : Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ : Không có
- Những người có liên quan : Không có
- Các khoản nợ với Công ty : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không có

➤ **Phó giám đốc - ÔNG NGUYỄN MINH TRÍ**

- Họ và tên : Nguyễn Minh Trí
- Số CMND : 023946435
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 17/10/1986
- Nơi sinh : Long An

- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Long An
- Địa chỉ thường trú : 493/26 Bis, Cách mạng Tháng 8, Phường 13, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại liên lạc :
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản Trị Kinh Doanh
- Quá trình công tác :
- 2009 - 2010 : Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu
- 2011 - 2012 : Đi du học Anh Quốc
- 2013 - đến nay : Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu
- Chức vụ công tác : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ : Không có
- Những người có liên quan :
- Vợ: Không có
- Các khoản nợ với Công ty : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không có

➤ **Phó Tổng giám đốc - ÔNG NGUYỄN PHẠM NHƯ HỒ**

- Họ và tên : Nguyễn Phạm Như Hồ
- Số CMND : 212607437
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 01/01/1970
- Nơi sinh : Quảng Ngãi
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú : Quảng Ngãi
- Số điện thoại liên lạc : 0909930930
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế thương mại
- Quá trình công tác :
- 2001 - 2006 : Công ty TNHH Thủy sản Bạc Liêu
- 2006 - nay : Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu
- Chức vụ công tác hiện nay : Phó tổng giám đốc Công ty CP Thủy sản Bạc Liêu
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ : Không có
- Những người có liên quan :
- Em: Nguyễn Phạm Như Hải : 130.000 cổ phiếu
- Các khoản nợ với Công ty : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không có

➤ **Phó Tổng giám đốc - ÔNG NGUYỄN THANH PHƯƠNG**

- Họ và tên : Nguyễn Thanh Phương
- Số CMND : 022228852
- Giới tính : Nam

- Ngày sinh : 01/04/1956
- Nơi sinh : Gia Định – Sài Gòn
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bạc Liêu
- Địa chỉ thường trú : 24/18 Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc: 0914032044
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Quản lý
- Quá trình công tác :
- Trước 2002 : Kinh doanh tự do
- 2002 – 6/2007 : Phó giám đốc Công ty TNHH Thủy sản Nha Trang
- 6/2007 – nay : Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu
- Chức vụ công tác hiện nay : Phó tổng giám đốc Công ty CP Thủy sản Bạc Liêu
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ : 300.000 cổ phiếu - tương ứng với 6% vốn điều lệ
- Những người có liên quan : Không có
- Các khoản nợ với Công ty : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không có

1.3 Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của công ty. Ban kiểm soát họp thường kỳ mỗi quý để xem xét và đánh giá kết quả hoạt động của công ty.

- Thành viên Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lâm Văn Tuấn	Trưởng ban		
Ông Phan Võ Khoa Thạch	Thành viên		
Ông Tăng Hiếu Nghĩa	Thành viên		24/05/2008

- Tóm tắt lý lịch Ban kiểm soát:

➤ Trưởng Ban kiểm soát - ÔNG LÂM VĂN TUẤN

- Họ và tên : Lâm Văn Tuấn
- Số CMND : 385090960
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 1979
- Nơi sinh : Bạc Liêu
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bạc Liêu
- Địa chỉ thường trú : xã Phong Thạnh Đông A, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.
- Số điện thoại liên lạc : 0781-849567

- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Tài chính – Ngân hàng
- Quá trình công tác :
- 2001 – 2004 : Nhân viên Công ty TNHH Thủy sản Bạc Liêu
- 2004 – 2006 : Trưởng phòng TC – HC Công ty TNHH Thủy sản Bạc Liêu.
- 2006 – nay : Trưởng phòng TC – HC Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu.
- Chức vụ công tác hiện nay : Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ : Không có
- Những người có liên quan : Không có
- Các khoản nợ với Công ty : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không có

➤ **Thành viên Ban kiểm soát - ÔNG PHAN VÕ KHOA THẠCH**

- Họ và tên : Phan Võ Khoa Thạch
- Số CMND : 311457907
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 1975
- Nơi sinh : Tiền Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tiền Giang
- Địa chỉ thường trú : xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
- Số điện thoại liên lạc : 0781-849567
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Chế biến thủy sản
- Quá trình công tác :
- 1996 – 2004 : Nhân viên công ty Phát triển kinh tế Duyên Hải
- 2004 – 2006 : Công ty TNHH Thủy sản Bạc Liêu
- 2006 – nay : Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu
- Chức vụ công tác hiện nay : Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ : Không có
- Những người có liên quan : Không có
- Các khoản nợ với Công ty : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không có

➤ **Thành viên ban kiểm soát - ÔNG TĂNG HIẾU NGHĨA**

- Họ và tên : Tăng Hiếu Nghĩa
- Số CMND : 385019318
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 1981
- Nơi sinh : Bạc Liêu

- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bạc Liêu
- Địa chỉ thường trú : 62 Phan Đình Phùng, Phường 3, Thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
- Số điện thoại liên lạc : 0781-849567
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư công nghệ thực phẩm
- Quá trình công tác :
- 2004 – 2006 : Trưởng phòng quản lý chất lượng Công ty TNHH Thủy sản Bạc Liêu
- 2006 – nay : Trưởng phòng quản lý chất lượng Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu
- Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ : Không có
- Những người có liên quan : Không có
- Các khoản nợ với Công ty : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không có

2. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty:

Thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2007, năm 2008 Công ty đã chi thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 10.000.000 đồng/tháng
- Thành viên Hội đồng quản trị: 1.500.000 đồng /tháng
- Trưởng Ban kiểm soát: 1.500.000 đồng/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 1.000.000 đồng/tháng

3. Các dữ liệu thống kê về cổ đông (theo danh sách chốt ngày 24/07/2008):

3.1 Cổ đông trong nước:

a. Cơ cấu cổ đông:

Stt	Danh mục	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông Tổ chức	4,265,000,000	8,53
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	3,000,000,000	6,00
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	1,265,000,000	2,53
2	Cổ đông cá nhân	45,735,000,000	91,47
	Tổng cộng	5,000,000,000	100

b. Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn:

Stt	Tên cổ đông	ĐKKD	Địa chỉ	Giá trị (1000đồng)	Tỷ lệ (%)
-----	-------------	------	---------	--------------------	-----------

1	Nguyễn Thị Thu Hương	Thu 023284615	493/26 Bis CMT8, P.13, Q.10, Tp.HCM	10,023,000	20,05
2	Công ty TNHH Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Đông Á	20/UBCK-56-58 GP Q.1, Tp.HCM.	Nguyễn Công Trứ, Q.1, Tp.HCM.	3,000,000	6,00
Tổng cộng				339,388,930	26,05

3.2 Cổ đông nước ngoài:

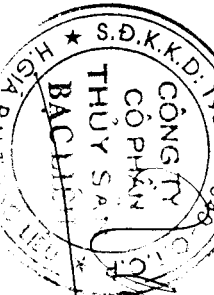
a. Cơ cấu cổ đông:

Stt	Danh mục	Giá trị (1000đồng)	Tỷ Lệ (%)
1	Cổ đông Tổ chức	0	0
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	0	0
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	0	0
2	Cổ đông cá nhân	150.000	0.30
	Tổng cộng	150.000	0.30

b. Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn:

Stt	Tên cổ đông	ĐKKD	Địa chỉ	Giá trị (1000đồng)	Tỷ Lệ (%)
				Tổng cộng	0

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY


NGUYỄN PHỊ THU HƯƠNG

Nơi nhận:
- UBCKNN
- SGDCK HÀ NỘI